

TRITÂN

TẠP CHÍ



TRI-TÂN TAP-CHÍ

MỤC LỤC SỐ 196

Một đoạn chuyện về mấy	
yếu nhân V. N. Q. D. Đ.	Ngô-văn-Triệu
Đại nam đặt sự (LXVI)	Nguyễn văn Tố
Bài văn tế cụ Sào-nam	
Pl an-bội-Châu	của Hoài-Nam
Cải chính những chuyện sai nhầm	
về nhà cách mệnh...	Trúc-Khê
Góp vui	Nguyễn-Phượng
Những ông ngỗ triều Lê (CXIII)	Ứng-hòa
Tam pháp tu	Lê thọ Xuân
Tỳ bưng	Hoàng-Hạc
Nhạc thực ca (IV)	Nguyễn văn Tố
Một án « Thông phi » (hối)	Tiến Đàm

GIÁ BẢO

Một năm	55 \$ 00
Sáu tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	1 , 20

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chancéaulme — Hà-nội

Đại lý Ủy Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-lắt — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Cử 40, phố Đông-không — Hải-duyệt

BÁ CÁO CẦN KÍP

Các ngài mua báo xin cho
tiền trước.

Từ I-VII-1945 chỉ gửi báo cho
những vị đã giả tiền rồi.

T. T.

LỊCH VIỆT NAM

có những ngày Lịch sử
Ai mua xin đặt tiền trước

In có hạn

giá 12\$00

Long-Điền biên tập TRI-TÂN phát hành

Đã có bán :

ĐÊM HỒI LONG TRÍ

Lịch sử tiểu thuyết
của NG. H. TƯỜNG

GIÁ 3 \$ 60

thêm cước 0 \$ 70

TY XUẤT BẢN TRI-TÂN

95-97, Chancéaulme — HANOI

VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG

NGÔ-VĂN-TRIỂN

S AU việc ám-sát Ba-Gianb, V. N. Q. D. Đ. bắt đến bị võ, sở Mật-thám Hà-nội lục tục đi khám nhà bắt người. Chúng khám một cái gác ở phố Hàng Bông, ngụ sở của một đảng viên tự là Kim-Phượng, bắt được ít giấy tờ bí mật, mấy chục bản điều-lệ in thạch và một gói sách cấm. Việc khám nhà này xảy ra vào buổi sớm chủ nhật 17-2-1929 trong khi Kim-Phượng về quê nhà ở Hoài-đức vắng, vì thế Kim-Phượng chưa bị bắt. Cũng ngày hôm ấy, Kim-Phượng ra Hà-nội, mới biết vụ sở của mình bị vạ soát và lấy đi mất những thứ quan hệ, bèn lại quay về quê dặn bảo người nhà đề dự bị bước vào ngục đường. Một bạn đồng chí nghe tin về thăm, bảo:

— Anh cứ ở nhà, tự khắc chúng nó đem ô tô về đón, không cần ra Hà-nội.

Chúng nó đây là trở vào bọn viên chức của sở Mật-thám song qua ngày 17 tới hết ngày 18, Kim-Phượng vẫn chưa được chúng đem ô-tô về đón như nhời người bạn bảo, bởi chúng còn rình chờ bắt Kim-Phượng ở Hà-nội chứ chưa truy vấn đến quê nhà.

Tối ngày 18, chợt có một chàng thiếu niên tầm vóc bé nhỏ, đầu

đội mũ trắng, mình bận áo the, tay dắt chiếc xe đạp, là từ tiến vào sân nhà Kim-Phượng. Kim-Phượng chạy ra đón, thiếu niên cầm tay kiềng bảo:

— Anh mặc quần áo để đi với tôi, anh Học bảo tuổi.

— Đi ngay bây giờ? Kim-Phượng hỏi.

— Phải, ngay bây giờ, chàng thiếu niên đáp.

Kim-Phượng vội vào trong nhà mặc quần áo rồi dắt chiếc xe đạp của mình ra sân.

— Nào đi! chắc là anh Học ủy anh đưa tôi đi trốn có phải không? Ta đi về hướng nào bây giờ?

— Không, anh Học sai tôi về đón anh, sang Gia-lâm giao cho anh ấy, đề anh ấy tự đưa anh đi.

— Đi đâu?

— Nào biết rõ.

Thiếu niên ấy là ai? Chính là Ký con Đoàn trần Nghiệp, cũng tức là Đoàn.

Hôm ấy là ngày mồng 9 tháng giêng âm lịch, đáng lẽ có giăng, nhưng phải hôm mây gió dầy giời nên đường đất tối đen như mực. Hai chàng thanh niên giơng hai chiếc xe đạp, búc vào bóng tối dầy đặc mà đi về phía đông.

Đến Hà-nội, dưới bóng đèn sáng, Đoàn bảo Kim-Phượng.

— Anh có mùi sưa không?

— Có, đề làm gì?

— Lấy ra ngậm vào miệng ấy để che bớt một phần bộ mặt.

Kim-Phượng làm theo. Hai chiếc xe đạp vẫn bon bon chạy, qua thành Hà-nội, qua cầu sông cái, đưa hai chàng sang phố Gia-lâm.

Xe vừa xuống hết cái dốc đồi, thì bên cạnh đường, đã có một hàng thanh-niên áo phụng, cầm vợt dầy dầy, mình khoác ba, chờ any đầu đội mũ dạ, đứng đứng chờ ở đây. Thanh-niên ấy, chính là anh Thái Học.

Xe Đoàn xuống trước. D. đến đó lại đứng nói chuyện nhỏ với Học, xe Kim-Phượng xuống sau, đi quá chỗ hai người đến mà chưa thấy ở rồi mới hăm phanh Kim-Phượng dừng đứng chưa đến chỗ hai người, liền đó Đoàn đã đạp xe lại, giơ tay chào, rồi đi vòng sang dốc khác để lên cầu trở về Hà-nội.

Nguyễn Thái-Học bảo bước đến chỗ Kim-Phượng rồi hai người đưa nhau vào thuê một cái buồng ở, nhà lữ quán, ở ngay ở ngã ba cuối cái dốc ấy trong buồng trọ, Học bảo Kim-Phượng.

— Chúng nó khám soát mãi nhà, nghe như chỉ có ở đây, anh là chúng tôi được ở đây, giấy tờ quan hệ, anh lấy đi, đồng những bản d. (Xem tiếp trang 20)



Số 66

Ung-hoà NGUYỄN-VAN-TỔ

XXXVI —. Lý Nhân - tông (bài nối)

Hết việc văn võ quân dân, cây cấy và đánh dẹp, đến việc công-tắc: « Tháng giêng năm mậu-ngọ 1078 đắp lại thành Thăng - long » (Khâm - định Việt - sử, q. 3, tờ 40 b). « Tháng ba năm đinh-mão (1087) dựng bi - thư-các » (Đại-Việt sử ký toàn thư, q. 3, tờ 11b) « năm ỷ - y 1089 đào sông Lãm-kêch » (thuộc đê Thái - nguyên, hiện nay không biết đích ở đâu). (Khâm - định Việt - sử, q. 3, tờ 47 b). « năm canh-ngọ 1090 làm công Hợp - Loan » (Khâm - định Việt - sử, q. 3, tờ 48 a). « Năm mậu - tý 1108 mùa xuân tháng hai đắp đê sông ở phường Cơ - xá » (Khâm - định Việt - sử, q. 4, tờ 6 a). Cơ - xá trước thuộc huyện Thọ-xương, Hà-nội, nay là xã học-xá thuộc đại-lý Hà-nội. « Mùa xuân năm kỷ - sửu 1109 đắp đê Đông-lynn » (Khâm - định Việt - sử, q. 4, tờ 6 a). « Mùa đông nam canh-tý 1120 dựng đá Chủng tiên » (Đại-Việt sử ký toàn thư, q. 3, tờ 20 b). « Tháng mười một năm 1123 dựng đại Từ - tiêu » (Đại-Việt sử ký, toàn-thư, q. 3, tờ 22 b). « Tháng mười năm giáp-

thìn 1124 dựng đại Uất - la » (Khâm - định V. s. q. 4, tờ 12 b). vào khoảng tháng năm « năm ất-tý 1125 điện Sùng - dương làm xong, đặt việc ba ngày đêm » (Khâm - định V. s. q. 4, tờ 13 b).

Lý Nhân - tông là người sùng thượng Phật - giáo: « Năm 1086 dựng chùa Lãm - sơn ». « Tháng mười năm 1087, ngự tới chùa Lãm-sơn, ban yến các - quần thần về ban đêm, lại ngự chõ hai bài thơ Lãm-sơn dạ yến » (Đại-Việt sử - ký toàn - thư, q. 3, tờ 11 b; xã Lãm - sơn thuộc huyện Quế-dương, tỉnh Bắc - ninh). « Tháng giêng năm sau (1088) phong cho tăng là Khô - đầu làm quốc - sư thượng hỷ việc nước, cũng như Lê Đại-Hành đối với Ngô Khuông-Việt » (Đại - Việt, sử - ký, toàn-thư, q. 3, tờ 11 b 12 a). Cùng năm ấy (1088) « chia phứt chùa trong nước làm ba hạng danh-lam: đại, trung, tiểu, lấy các quý-chức trong hàng văn kiêm coi: lúc ấy các chùa có ruộng, đê ở và cửa kho » (Đ. V. s. k. toàn-thư, q. 3, tờ 12 a). « Tháng mười làm tháp ở chùa Lãm-sơn » (Đ. V. s. k. toàn-thư, q. 3, tờ 12 a). Đến « năm 1094, tháp ấy mới làm

xong » (Đ. V. s. k. toàn-thư, q. 3, tờ 12 b).

« Năm 1101, trùng tu chùa Diên-hựu (tức là chùa Một-cột, ở thôn Thanh-bào, huyện Vĩnh-thuận Hà-nội). Nguyên Lý Thái - tông dựng chùa này để cầu diên thọ, đến năm 1101 trùng-tu, lại đục chuông lớn, đúc xong đánh không kêu, đem vứt ra ruộng, ruộng ấy có nhiều rùa, nên người ta gọi là

chuông qui oền » (Khâm - định Việt sử, q. 4, tờ 3 a-b).

« Tháng chín năm ất-dậu (1105) dựng hai cái tháp Bạc - mạnh ở chùa Diên-hựu, ba cái tháp Thạch mạnh ở chùa Lãm - sơn ». Lúc bấy giờ Lý Nhân-tông lại-trùng-tu chùa Diên - hựu. Nơi cựu quán (quê quán cũ tức là châu Cổ-pháp), đào thêm một cái ao trong có đài hoa sen, gọi là Linh-chiều trì, xung quanh ao xây hành lang vẽ họa các cảnh - lại lại đào một cái ao nữa gọi là Bích-tri và bắc cầu để thông sang tháp ở trước sân, mỗi tầng móng một, rầm và ngay tám tháng tư vua ra giá tới ngự rầm thiết những nghi-thức đề kỷ - tộ (cầu cho ngôi nước trường thọ) và đức phật (tâm Phật), hằng năm cho là lệ thường » (Đ. V. s. k. toàn-thư, q. 3, tờ 15 a).

« Tháng giêng năm ất-vị (1115) lập ba hoàng-hậu. là: Lan - anh, Khâm - thiên, Chấn - bảo, và ba mươi sáu cung - nhân. Lúc bấy giờ Lý Nhân - tông gặp việc cầu con nòi, thường đặt đàn cầu-đạo, Thái-pậu dựng hơn một trăm ngôi

(Xem tiếp trang 16)

CỤ SÀO NAM PHAN BỘI-CHÂU

của HOÀI-NAM tiên-sinh

Bài văn tế cụ Sào-nam này là tác-phẩm của một nhà tùc nho miền Trung viết từ năm 1940 là năm cụ Phan mất. Tri - Tân vừa được bạn Hoàng Thiều-Sơn sao gửi cho. Vậy xin lục đăng để cống hiến quốc dân

Nhân đọc văn tế cụ Phan, liên tưởng đến đối câu đối của cụ Phan viếng Tôn Trung-Sơn, cũng xin lục đăng ra đây cho nhớ.

Bắc dĩ trị nhĩ loạn, Nam dĩ loạn nhĩ an, anh hùng thái tức.

Quân đương sinh nhĩ tử, ngã đương tử nhĩ sinh, tạo hóa hà tâm. (1)

L. F. S.

Tuồng thiên-diễn khắp năm châu rộn-rịp, bầy nọc đua tranh ngoài bãi, sóng dào bề bạc hây đượm sôi, dấu địa-linh riêng một cõi êm-đềm, đàn chim bốn-bộ, trong lồng, chiếc tò rừng Nam sao vội gảy.

Hồn Tô-quốc bơ-vơ trong trời đất, đi nơi nào, về ở nơi nào; khi anh-hùng an, đức giữa non sông, sống cũng vậy thác danh cũng vậy.

Nhớ hình xưa :

Khôn thuở nên ba; học ngày nên bảy; coi khí ngang tàng; thanh danh lừng lẫy. Tài thất-bộ nên tay đầu-xứ, kinh nghĩa giỏi, tài-phú giỏi mà sách vẫn ằng giỏi, bút cử-nghệp đầu làm lấy có, cưỡi nghênh hàng ngọc nhả châu p ưn; quyền tam-trường đáng mặt thủ-khoa, đệ nhất ưu, đệ tam ưu, mà phủ hạch lại ưu ưu, bước khoa đình đầu kẻ như không, cũng một tội rỗng bực cả nhẩy.

Mưa bốn bề, đôi mắt dăm dăm; non nước nghìn năm, một lòng rày rày.

Nền đô-hộ dựng nên miền Nam-phục, gươm bạch-xi đã mòn, ở hoàng-hoa muôn trụ, vận Hồng Lạc đương tôn truân-khiên, mưa cam qua khôn khép mặt trời lui; sóng duy-tan lán khắp cõi đồng-cầu, sự Trưng-bia mới tỉnh, hùm Ngặt-bán vừa reo, giống Tiên Rồng mãi giấc say mê, khua mộc đặc phải kèn hồn nước dậy.

Vào Nam ra Bắc hết sức hồ hào; đi ngược về xuôi, cùng đường chạy vạy.

Bạn đồng chí păm ba người phồm bộp, nào Kỳ-ngoại, nào Tây-hồ, nào Thái-sơn, Ngũ-hải, biết bao chuyện lâm-lý cảm-khí, chữ tương-dồng cùng đá tạo, vàng ghi; ~~đ~~ trùng-dương nghĩa muôn đám sông-phà, khi Xém la, khi Nhật bất, khi Thượng-hải. Hoàn bản, biết bao phen đến-bà, gian-nan ~~ti~~ An vô-dinh mặc bèo trôi nước chảy.

Nếp nhà xiêu cũng hết sức duy-trì; ~~ch~~ thuyền rập (2) vẩy ra công bát cạy.

Đàn Đông-dô dặt con em du-học từ Trung-quốc sang Nhật, Nga, Anh, Đức tưởng được nhân ta dậy-tủ để pò-tri quốc-vận mai sau; hội Nghĩa-thương kêu dân nước hợp-quần, từ Ngạc-an vào Nam Nghĩa, Phú, Bình, mong cho kinh-tế dồi-dào, để tranh cạnh lợi quyền dẫu dấy.

Sông eo có khúc, cá Dã tràng khôn xe vữ trên bờ; bề mặt k ờn ~~th~~, đá Tinh-vệ luống quăng (3), ngoài dưới dấy.

(Xem tiếp tr.

1) Bắc đương trị nhĩ loạn, Nam đương loạn nhĩ an; anh hùng thái tức.

Ông về sống lại chỗi, tôi nên chết lại sống ở lòng nao.

2) Động đàng trung: thuyền nát.

3) Ném.

Cải chính những chuyện sai nhầm về nhà cách mệnh

Hoàng Văn-Tùng

TRÚC-KHÊ

Có đây, trên hai tờ báo Đông phát và Quốc-gia đều có bài nói về nhà cách mệnh Hoàng văn Tùng, mà cả hai tờ đều có những chỗ sai nhầm khá quan trọng, vậy xin viết mấy lời hay cái chỉnh để cho được đúng với sự thực.

Cả hai tờ đều có những cái điểm nhầm giống nhau là:

1. báo ông Hoàng Văn-Tùng là phó trưởng ban ám sát của Việt Nam Quốc-Dân đảng, giúp việc ông chánh trưởng ban là Ký Con,

2. báo ông Hoàng văn Tùng tạ thế về năm Canh-ngọ 1930, do ông Hằng trưởng Nguyễn Thị Học bắt gở cũng ở trong ngục đều dính với Hội đồng Đề-hình cử hai đảng viên là Phó đức Chấn Lê văn Phúc được am xuất ngục để vào Thanh đưa đám

Sự thực thì không phải như vậy.

V. N. Q. D. Đ. Ban kỷ hợp tác bộ (tức Trung ương đảng) đêm mong một tháng giêng năm 1929 tại đảng sở ở một nhà cạnh trường Thủ-dục tuyên bố tị-hành bản điều mới trong đó có nói về việc lập ban ám-sát, thì chính ông

Hoàng văn Tùng được đảng ủy-nhệm làm chức trưởng ban Ám-sát, chứ không phải là làm phó trưởng ban, giúp ông Ký Con. Bấy giờ ông Ký Con còn là một cậu thư ký bé nhỏ, giúp việc ở khách sạn Việt Nam của đảng tại phố hàng Bông, bao nhiêu cái búng-uy vĩ-lực của ông còn giấu giếm một cách kín đáo ở trong mình, nên chưa được anh em trong đảng biết đến mà cử vào cái trọng chức ấy; còn ông Tùng thì là một người uy-mãnh cương-đán, ai cũng biết cả. Ông Tùng người hơi thấp, mình khá đậm, đầu thường húi trọc lồi bàn trái, mặt nhỏ, miệng tròn, mắt da đen xạm, tính nết cương quả. Năm 1928 và 1929, ông đều là ủy-viên tỉnh bộ Thanh-hóa, ra Hà nội sung vào Tổng bộ, mỗi khi Tổng bộ họp, ông thường được cử làm Giám-sát để giữ trật tự của buổi họp cho nghiêm. Ông lĩnh chức trưởng ban Ám-sát từ tháng 1 tháng giêng đến 17 tháng hai (1929) thì ông bị bắt cùng nhiều đảng viên khác. Trong khoảng ấy, hoặc giả ông có hoạt động về việc làm tiền cho đảng chăng, chứ việc ám sát thì thực chưa có việc gì cả. Việc giết chết Ba-gianh chính

thuộc vào thời kỳ ấy, nhưng đó là việc làm của lao-động đoàn trong đảng do ông đảm-tanggung Nguyễn văn Viên chỉ huy. Sau việc giết Ba-Gianh, đảng bắt đầu vỡ, ông cùng bọn các ông Nguyễn Ngọc-Son, Nguyễn thế Nghiệp, Lê Văn-Poa bị bắt lớp đầu tiên giam vào ngục-thất Hỏa-lời. Vì bị chúng khảo đánh nhiều nên ông bị ốm, bệnh mỗi ngày một nặng. Ông thuộc vào lớp người ăn nắng, nên từ khi bị bắt, vẫn phải giam luôn ở sà-lim, nhưng đến khoảng trung tuần tháng 6, vì ông ốm nhiều, nên tên Bịch (Bride) là chủ tịch hội đồng đề-hình ký giấy dời chỗ giam ông sang buồng từ từ là ở ở giam các đảng-viên ăn-lính mới có một bậc. Buồng giam này rộng, đã có hai ba chục đồng chí bị giam ở đây, thường cất lượt nhau mà săn sóc dấm bóp cho ông. Chợt một buổi tối ông ngất lịm đi, anh em hết hoảng người thì tay gọi ông, người thì dấm rửa ngược tình tình để gọi người Giám-ngực. Bọn Pháp có lẽ tưởng các nhà cách-mệnh phá ngục không mang theo khí giới mà để lộ đến. Khi đã biết rõ, chúng mở cửa vào, gọi sĩ đến thêm thuộc ông Tùng lại hội tập. Sáng hôm sau chúng đem ông sang bệnh viện để

(Xem tiếp trang 16)



GÓP VUI

I. — Hai câu đối của Vua Duy-Tân

Bấy giờ đức Thiệu-quân Duy-Tân mới mười hai tuổi.

Một hôm nhà vua ngự yến ở Tòa Khâm. Có một ông cố đạo người Pháp cũng được dự. Ông cố đạo này người đã có tuổi, thông thạo tiếng Việt-nam, thấy nhà vua tuy còn ít tuổi song có vẻ thông minh anh tuấn, mới xin phép ra cho nhà vua một vế câu đối sau này :

Rút ruột ông vua (王) tam (三) phân thiên hạ.

Câu này có ý nhắc đến việc chính phủ thực dân Pháp chia nước ta ra làm ba kỳ.

Vua Duy-Tân ứng khẩu đối liền.

Chặt dần thẳng Tây (西), tứ (四) hải đại huynh.

Không biết quan khách hôm ấy nghĩ thế nào ?

Lại một buổi chiều, nhà vua ngự thuyền câu cá ở sông hồ Tịnh Tâm chợt có cơn gió, thuyền bị sóng đánh, Nhà vua tức giận.

Ngồi trên nước, không toàn vì nước ; chột buóng câu đã lâu phải lần.

Hôm xong ngài quay lại hỏi vị quan nào : ngài câu là thủ

trương Nguyễn-bữu-Bài « Thấy đối đi »

Vị quan kia vàng lệnh, đọc :

Ngẫm việc đời mà nghĩ cho đời ; hiểu nhậm mất đến dân hay đó.

Vua Duy Tân cười mà ban thưởng « Thấy chỉ đối lêu ».

II. — Một chuyện về quốc kỳ Việt Nam

Ta có thể nói được rằng nước Tàu, trước là cờ « ngũ sắc cộng hòa » của Tôn-Dật-Tiên, chưa có quốc kỳ. Vì là cờ « vàng thau ròng » vẽ rồng ác quyền lì hắt trước hồi cả L mện ; mà gọi là quốc kỳ của Tàu, chỉ là cờ của Hoàng Đế nhà Thanh. Mầu vàng và rồng là biểu tượng do vương của các nước phương Đông.

Nước Việt ta cũng thế. Trước, nhà vua cũng dùng cờ mầu vàng, thau ròng, thau ròng. Thế thôi, chứ quốc kỳ tự trước quả trước đây ta không có.

Ta không có quốc kỳ mà trước đây sáu mươi năm, đã có một lá cờ xuất hiện trên một cuồn hạm Pháp lúc cập bến Djibouti, mà người ta đã bắt 21 phát súng chào cơ đó là lá quốc kỳ của Việt Nam.

Hôm ấy Vua ra phái sứ-bộ sang Pháp. Quan sứ là cụ Phan Thanh Giản, phụ sứ là cụ Phạm Phú Thứ

(nếu ký giả không nhầm). Sứ bộ Việt nam đáp một chiếc chiến hạm của Pháp.

Khi đến bến Djibouti, cụ Phan nghe thấy trên bờ bãi súng thần công, tiếng một. Cụ không hiểu việc gì, bèn thông ngôn (ng' o dân là Cụ Trương Vĩnh Ký) hỏi hạm trưởng thì vị này giả nhời :

— Đây là quan cai trị trên bờ cho bãi súng chào mừng sứ bộ Việt nam đó.

— Thế muốn đáp lễ thì giờ phải làm thế nào ?

— Ngài đưa quốc kỳ Việt-nam, tôi cho thủy-thủ kéo lên kỳ đài.

Cụ chánh-sứ trong bụng lo ngại quay sang bảo cụ Phó :

— Ta lấy đâu ra quốc kỳ bây giờ ?

— Ngài không ngại, tôi đã có đây. Tức thì cụ phó chạy đi mở hòm đưa ra một lá cờ bằng lụa, trắng vàng, xanh, đỏ, rực rỡ, chung quanh có viền dưới nhụy. Lá cờ ấy được kéo lên kỳ đài và bấy giờ người Tây Phương được thấy thưởng một lá quốc kỳ đẹp đẽ, huy hoàng, của một nước đông phương đang tung hoành rẽ gió diều vào bờ.

NGUYỄN-PHƯƠNG

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Dương

2\$10 một yé



NHỮNG ÔNG NGHE TRIỀU LÊ

36, 113

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Mệnh-đưa tam niên, kỷ - sửu
khoa - tiến sĩ đề danh kỷ.

Bài văn bia khắc tên ở ông
tiến-sĩ khoa kỷ sửu 1529 là năm
'hết ba mươi Minh-đức' (của Mạc
Đáng-Dung):

Năm kỷ - sửu họ Minh - đức
Hoàng-thượng lên ngôi báu được
ba năm là buổi văn minh đầu tiên
trong trời đất, vừa gặp năm đại-
lý (kỷ thi), học rõ hát thơ Lộc-
minh. Hôm yết ban những người
đỗ tài hương, có lệ quan chủ khảo
và các quan đồng-khảo cùng hương
công-sĩ được ăn yến, gọi là yến
Lộc-minh, do tục đời Đường,
khí ban yến các hương-cống dùng
thiếu-lao (thịt bò), hát thơ Lộc-
minh: Lát thơ Lộc-minh tức là
đã đỗ hương-cống, tới thi, đều
đến hơn bốn nghìn người, đua tài
ngộ ở, quán - vi (thi hội) chọn
người tài giỏi, được ba mươi bảy
người.

Ngày mười tám tháng hai, H. ông
thượng ới hiền, thân ra gần bờ,
hỏi về việc trị thiên-hạ. Sa quan
đề đề là thân-bảo Diêm-quốc-ông
Mạc-Kim-Biểu, Bình-bộ thượng-thư
khi ấy. Nhân bảo Mạc Minh-Giới

các quan, mỗi người một việc.
Sáng hôm sau, quan đọc đề yến
là: Lễ-bộ thượng-hư đồng - các
đại học-sĩ Văn - đàm - bá Nguyễn-
Thanh, và Lễ-bộ thượng-thư, quốc
tử - giám lễ-tửu Bình-lễ bá Đinh-
Chân, phụng quyền tiến đọc, dâng
lên Ngự-lâm, đề định cao thấp,
cho bọn Đỗ-Tổng ba người đỗ tiến
sĩ cập-độ, bọn Nguyễn-văn Quang
tám người đỗ tiến-sĩ xuất-thân,
bọn Nguyễn-hữu-Hoán mười sáu
người đỗ đồng tiến-sĩ xuất-thân.

Ngày hai mươi bốn, Hoàng-
thượng ngự điện Kính - thiên, sai
truyền loa xướng tên, quan bộ Lễ,
vàng ban ân - mạng, quan bộ Lễ
bằng bằng vàng yết ở cửa nhà
Thái-học. Ngày hôm ấy lại ban cho
giển có thứ tự.

Đến ngày hai mươi bảy, ban
cho mũ đai áo xêm, hơn lệ thường.

Ngày hai tám ban yến ở bộ Lễ.

Mồng bảy tháng ba, cho vinh quí
ban điện có thứ tự.

Thế là ăn rồi đi về. Lại sai
quan bộ công khắc bia, từ-thần
soạn văn bia. Chẳng tới kinh vàng

mệnh sáng, mừng thay cho
travau, xin kính-cáo chấp lý
cửi-cáo-mà dâng lời răn: Khi
chân-nguyên hội hợp thì hào
kiệt trong hiền-hạ sinh-ra,
thánh chúa lên, tài hào kiệt
trong thiên hạ gặp thời dùng.
Hội Minh-lương, cơ cảm
ứng, không phải ngẫu nhiên,
nhưng kẻ sĩ hào kiệt, do khoa
mục tiến thân. Xét từ đời
Hữu-Ngu, mở cửa lối hiền

sĩ bốn phương, thì o i mỹ-y
khoa mục, bấy giờ mới bắt đầu.
Đời Thành-Chu hưng k ở người
tài năng, đến dùng kẻ tạo sĩ, thì
cải-phép hay về khoa mục, bấy giờ
mới mầm mống. Xuống đến Hán
Đường Tống, và nước Việt ta
nhưng bề anh quân đời nào cũng
có, đều lấy việc khoa mục làm
đi thăng ở tiến đường hào kiệt. Đến
đức thên-tử Thánh-triều ta, lấy
thiên tư hơn đời vũ yên vận lớn
chính vũ đồng mà yên thiên hạ, ra
văn gao mà luyện nhân tài, sửa
học hiệu đề rộng cái đức hóa nam
đường lạc đạo, ban học qui đề
cho ca cơ cơ vũ chấn tác được
mau chóng, nhân văn sửa sang
khoa mục đồ mới; phẩm điều lệ
về phép thi, ăn-vinh, lần lượt, so
với đời trước, rõ ràng kỷ lưỡng.
Học trò gặp đời Thánh-minh, được
bấm nuần đức hóa tới, vào hành
ke an ninh, lên con đường vinh
hiền, lại được đem họ tên khắc
vào đá vôi, thế chẳng vinh hạnh
lắm ru! Nên bọn phục ban lớn
dốc lòng-thực-truân, hãy trong trực
land trời làm việc thảo, lấy lễ

nghĩa đề phòng nhân, tâm thuật chính - đáng, chẳng lệch chẳng thiên, làm ra sự nghiệp, rất lớn rất lâu. Như Lã văn Dương, giữ gìn chính đạo, mà giúp cho nghiệp được thái bình thịnh trị như Hán Ngụy công, rủ hốt tấn - thân, mà làm cho thiên hạ được yên như Thái sơn, khiến người khen rằng: «Thật là trạng nguyên, thật là tiến sĩ», trên không phụ lòng thiên tử đặt khoa thi, dưới không phụ sức học bình sinh. Mà cái công nghiệp đã lừng lẫy rõ ràng vẻ dầy cả tấm đá này. Nếu ngòi vuông mà trong tròn, trước trình mà sau nhem, sở kiến không kịp sở văn, sở hành không như sở học thì chỉ làm lụy cớ khoa mục, mà làm cho tấm đá này thêm vết, há chẳng sợ thay! Than ôi! lẽ trời ở lòng người, bình ra thì rõ rệt; thánh hóa đề dạy người, lâu thì thấy nhiệm mầu. Tấm đá này dựng ở nửa thái họ, không những là chỗ lòng thành Thánh thượng trọng nọ, và ý tốt buổi quốc sơ trọng văn mà thôi, sẽ cở vô nhân tâm bồi dưỡng sĩ khí mà yua giồng thế giáo, mà vô cùng. Ngày sau những họ trò mũ chương xo, dịch, mất lòng dầy miêng đọc kỹ, ai là chẳng cảm

Thầy húng

SAY

tặng bạn Lê Hoài Viễn

Tửu lượng tôi có bao!
Quá chén vì bạn hào.
Bình sinh chỉ chưa loại,
Vỗ kiếm hát nghêu ngao,
Người xưa thường ngóng thế,
Ta nay nghĩ thế nào?
Ngũ Viên gập vắn bĩ,
Chợ Ngổ bước lao đao,
Hàn Tín trên sông Hoài
Bụng đói chân thấp cao.
Nhìn quanh nơi ta ở,
Cuộc đời này ra sao?
Năm châu mở khói lửa,
Bốn bể rợn binh đao.
Anh-hùng đưa một hội,
Rồi cũng giãc chiếm bao!

Bạn chẳng thấy:

Lác-đác hạt mưa rào,
Ngồi nhìn đĩa dầu hao,
Trăm năm tưởng thân thế,
Lòng những thấy nao nao,
Những đêm trường mở-mặt,
Trận gió thoảng qua phào.
Rượu tỉnh mê chưa tỉnh,
Cao rộng một giới sao.

HOÀNG - HẠC

Đêm 30 tháng năm, Ất-Dậu

kích hưng khởi, lấy khôn mọc mà kỳ vọng cho mình, tự mình đặt vào địa vị trí quân-trạch dân, cùng kế tiếp mà ra để giúp cho nước nhà được thái bình thịnh trị ức muôn năm, bồi đắp cho nền xã nền tắc được lâu dài ức muôn năm. Thế thời tằm đá này dựng lên công-dụng há chẳng lớn lắm thay!

Chức đồng đức công thần, đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Lễ bộ thượng thư, thái tử thái bảo đồng các đại học sĩ, thiếu bảo Thông-quận công thượng trụ quốc (không rõ lên).

Chỉ: phụng trực đại phu, đồng các hiệu thư tự chính thượng khanh thối là Ngụy Ôn cư Nhân cùng phụng sắc soạn.

(Tức thông chương đại phu rung thư giám chính tự thối là Nguyễn hữu Chiện phụng sắc thư).

Chỉ: thông chương đại phu, như quang môn đại phu, tư chính khanh, thối là Ngô, Đu Tấn, phụng sắc triệu.

Dựng vào tiết trường chỉ tức đông chí) tháng trọng đông tức tháng mười một).

Năm t ú hạ niên Minh đức: (1529) thối là ở đồ dạy (ý) là sách phẩm như xưa giữ).

(Còn nữa)

Ưng-hoà NG-VĂN-TÔ

NGHỆ thuật chuyện Tả-khoa Nghĩa vụ binh vực lẽ phải mà bị kết án tử hình, bạn có kén chàng bà vợ y to gan, dám ra tận Kinh-thành « kí h cổ đảng vắn » (1) mong được sự thân-phan của Thiên-tử? Đó là bà Tả-khoa đã lần lần vào đánh trống **Đảng-vắn** ở bên tòa Tam-Pháp

Đọc truyện « Gà Ba-tri », các bạn có phục chàng ba ông già ở Ba-tri (Bên-tre) vì bất bình quan chức, trèo rêu lội suối, đến trước Đổng-dĩnh để khiếu nại? Đó là ba ông già đơn tại Tam-pháp-Ti, chớ không phải đến chỗ **Đảng-vắn** mà kêu còi.

Gặp những chuyện như thế các bạn có muốn biết chàng cá Tam-Pháp-Ti và cái **Đảng-vắn** đó?

Muốn biết, mời các bạn đọc bài « Le-Tam-Pháp » của ông Signy đăng trong tập kỷ-yếu của Hội Đô-thành hiện cổ (Association des Amis du Vieux Hué), năm 1943, số 4, trang 407-409. Trong bài ấy, tác-giả đã nói rành-rẻ cách tổ-chức, cách làm việc của ti Tam-Pháp. Tác-giả lại nói ti này đặt ra trong thời Minh-mạng, nhưng không rõ về khoảng nào.

Tôi may được ti ấy sách nói về việc « khai-sanh ti Tam-Pháp », vậy xin chép trình các bạn.

Một hôm, vua Minh-mạng phán dạy quần thần rằng: « Từ trước tới nay, mỗi khi có việc đình-ngự thì các quan nhưn tại Tả-đầu-đường, nhưn dân có việc đến Kinh kêu nại cũng đều đến tại đó; rồi Hình-bộ cũng xử đoán tại đó. Như vậy thì công phải rõ rệt, xin sao? Triều đình làm nơi để phân

quan đến chầu và cũng nhưn phân-bạc việc nước, các khanh nên xem xét điều xưa lệ cũ rồi chăm-chức cải định chỗ nào việc ấy cho phân-miễn; có vậy thì mới hợp thể thống chốn Triều-dinh ».

Trước hết, đình-thần nghị như thế này :

Triều-dinh là chỗ ban chánh-lệnh, cốt phải làm cho đồng nhất sự nghe thấy của thần-dân mà làm kiểu-mẫu cho cả nước. Nay đã đặt là **Triều-đường** mà có phân gọi **Tả, Hữu** thì nghe không được nhất, vậy xin đổi tên hai nhà **Tả-đầu-đường** và **Hữu-triều-đường** làm là **Tả-đầu-lậu-viện** và **Hữu-đầu-lậu-viện** (2). Phàm khi gặp ngày, lễ, triều-ba, các quan văn võ phân ban chia thứ đều nhóm ở đó. Như có việc cơ yếu cần mật mà Nhà Vua giao cho đình-thần nghị nghị thì các quan tự tại Tả-vu, Hữu-vu (3) của điện Cần-chánh mà bàn-bạc; còn các việc khác thì đem bàn ở « nhà đợi giờ » bên tả (Tả-đầu-lậu-viện). Mỗi vị quan có quyền dự bàn chỉ được đem theo một người thuộc-viên; những người quá và bọn đồng-bộc đều không được vào.

Kể đó đình-thần nghị rằng nhưn dân có việc: không-tổ thì phải đặt p áp-quan đề suy lý xét lộn mà xử án cho được công bình. Vậy xin pi ông đầu-lệ của Bả-triều (4) lấy nhưn viên trong ba nhà Hình-bộ, Đô-sa-viện và Đại-lý-vu làm một nhà riêng và gọi là **TAM-PHÁP-TI**.

Các quan lại xin chọn kẻ anh dật ở góc đông-nam trong Kinh-thành, về phía bên ngoài Nam-xương (5) mà dựng nhà to lớn ba gian hai chái, d y mặt về hướng bắc. Ba phía tả, hữu, tiền thì xây tường còn ở mặt

TAM - PHÁP - TI

LÊ-THỌ-XUÂN

tiền thì có hiên dề ba chữ « **Công-Chánh-Đường** ». Đàng trước mà ở về bên tả thì trên một cái trống, đặt tên là « **Trống Đảng-vắn** » (Đảng-vắn-cổ). Trống này mỗi lần đánh là vua biết có việc khẩn-ấp; vậy nên, trong chốn Kinh-thành, trừ trống canh và trống cầu đánh có giờ nhất định và đàn theo thể-lệ riêng, các thứ trống khác đều bị cấm ngặt, bởi vì vua làm tướng là tiếng trống **Đảng-vắn** mà thánh-tâm phải xao động.

Đình-thần lại nghị đến án, kiềm và định rõ ngày giờ làm việc.

Những viên quan đến làm việc tại ti Tam-Pháp không thể dùng ấn, kiếm của nhà riêng mình. Vì vậy tại đây có ấn bạc, kiếm bạc trên khắc ba chữ « **Tam-Pháp-Ti** » theo lối trện. Mỗi khi dùng xong thì kiềm, ấn này do Đô-sát-viện và Đại-lý-vu dùng xong rồi giao cho Hình-bộ cất giữ.

Vì các quan ở ti này đều có công việc khác phải lo hoặc ở Hình-bộ-đường, hoặc ở Đô-sát-viện, hoặc ở Đại-lý-vu, nên tại đây, mỗi tháng chỉ thuê chấp đơn-rạng vào những ngày mồng sáu, mồng mười và mồng mười sáu.

Đến ngày đã định, các vị đường-quan của ti Tam-Pháp đem tù-thuộc đến Công-chánh đường rồi chia ngồi: Hình-bộ ở giữa, Đô-sát-viện bên tả, Đại-lý-vu bên hữu (Tả-viện của vua).

Cách làm việc thì thế nào? — Phàm thần-dân trong nước ai có điều oan-khuất đến đây kêu nại thì đơn-trang phải làm hai bản (một bản chánh, một bản phụ). Các quan thâu đơn, hỏi thêm sự lý, rồi làm sổ tâu lên, có đình cả sự nghị nghị của Hội-đồng. Khi được chỉ nhà Vua, truyền xuống, Hội-đồng coi việc thuộc nhà nào thì chép gọi tới nhà đó để-chiêu theo mà thi-hành.

Đến như ai mặt-cáo việc bạn-nghịch hay mặt-vấn việc lợi hại lớn trong nước thì mới được làm một bản tâu-trình niêm phong chắt: chắt. Được bản mặt-phong ấy, ti Tam-Pháp phải lập tức tâu trình, không được tự tiện mở xem.

Và lúc nào thì được đánh trống **Đảng-vắn**? — Ngoài những ngày 6, 16 và 26, có một thuộc-viên rửa lều-bộ, Đô-sát-viện hay Đại-lý-vu hay phiên đến gác tại ti Tam-Pháp. Nếu có tờ mặt-phong như trên đã nói hay có việc thật là khẩn cấp không thể chờ đến ba ngày đã định thì thần-dân được phép đánh trống **Đảng-vắn** mà kêu còi, tức như việc ba thủ-thoát nhà-hữu-Nguyễn đã làm.

Đến ngày đã định, các vị đường-quan của ti Tam-Pháp đem tù-thuộc đến Công-chánh đường rồi chia ngồi: Hình-bộ ở giữa, Đô-sát-viện bên tả, Đại-lý-vu bên hữu (Tả-viện của vua).

là tờ mặt-phong thì các quan lập tức dâng ngay cho vua; còn nếu là những sự kiện-khác thì các quan trước hãy dâng sổ lộn thuộc sự-lộn, kể đó theo lẽ mà nghị bàn xét xử rồi lại tâu lên.

Quả rồi đều oan-khuất thì lượng trên lập tức xem xét bất cứ lúc nào. Nhưng chỉ là việc chẳng đáng phiên vua hoặc quan mà ứng « kích-đảng-vắn-cổ » thì há lẽ nên trả h phạt? Bởi thế, trong lúc xin trên để trống **Đảng-vắn**, đình-thần có nghị luận:

Nếu tờ mặt-phong kia mà xét ra là vu-vọng thì khi thánh-chỉ ban ra, các quan tùy tội mà gao xử trị.

Còn nếu là đều không phải khẩn-thiêu mà tự tiện đánh trống **Đảng-vắn** thì dấu việc đều không có đúng sự thật di nữa, nghị nghị đánh rỗng cũng bị đóng gông mười ngày giữa sân trước Công-chánh-đường, mãi hạn gông còn bị đánh đòn một trăm roi nữa. Thếảng xét ra là vu-khống mà:

a) nếu đáng tội « đánh đòn » thì đóng gông ba tháng rồi mới đánh đòn một trăm roi;

b) nếu đáng tội « đồ » thì đánh đòn trước một trăm roi rồi mới dày đi phạt khác mà bắt làm lính;

c) nếu đáng tội « lưu » thì dày ra chốn biên-thùy ở chỗ mà thiêng nước độ bắt làm việc khổ-sai.

Kể bày mưu xúi việc cũng đồng tội-lệ. Người già, bọn trẻ hay hàng phụ nữ mà phạm tội thì cũng tùy việc mà xử trị.

Kể các quan kết-luận rằng: có vậy thì việc làm mới chắt-chắt phép nước mới nghiêm-minh nhiều hơn. Triều-dinh mới được tôn-trọng.

Vua chuẩn-y lời bả định đó. Vì thế nhà **Tam-Pháp** tức. **Sống chánh-đường** mới thấy có ở bên Nam-xương-dài của của Thượng-lũ (6). Trong nhà có một viên đội trưởng và mười tên lính lo việc lễ-bộ, cuối tháng mới đổi phiên.

Và về bản định này theo « **Thực-lục đế-nghị-kỷ** », quyển 81, tra g 17 a — xảy ra trong năm Minh-mạng thứ 13 (tức 1832) vào buổi tháng sáu.

LÊ-THỌ-XUÂN

1) Kí-h cổ đảng vắn, người ta hiểu nó là đánh trống để đả kích Linh Bề trên nhà. Nhưng thường dùng « Kích-đảng-vắn-cổ » nghĩa là đánh cái trống Đảng-vắn.

2) Tả, Hữu Đầu-lậu-viện là hai « nhà đợi giờ » ở phía tả và ở phía hữu. Hai nhà này ở phía trong Ngọ-môn quan, hai bên là Ngã-phụng. Về thời Gia-long thì nhà bên tả gọi Võ-công-thực, nhà bên hữu gọi Văn-công-thực. Đến năm Minh-mạng thứ tư đổi làm Tả, Hữu Triều đường.

(3) Hai dãy nhà ngang ở hai bên tả, hữu, trước điện Cần-chánh.

(4) Tả Trung-quốc. — Về thời nhà Đường, họo Hình-bộ, Ngự sử đài và Đại lý tự làm Đại Tam Ti-sứ. Đến nhà Minh, nhà Thanh thì họo Hình-bộ, Đô-sát-viện và Đại lý tự làm Tam-Pháp-Ti.

(5) Góc của Thượng-lũ (ra Thượng-bac, số 19 Hương người Pháp quen gọi là « Mirois », xây năm 1829).

(6) Tòa nhà này vì quá hẹp bị phá bỏ trong năm chót của Đại-vận (1916), còn ở phần thì bị bãi bỏ lập sau kỳ sự chót trong năm Thành thái (1906). — (Amis Vieux Hué, 1941 n° 4.)

Khanh Thục Ca.

của NGUYỄN - THỊ - BÍCH

Số 4

Ung-hoà NGUYỄN-VAN-TỐ

Trị vì ba sáu năm chầy,
Lòng nhân tình hiếu đức tầy Thuấn Nghiêu.
Tư trời học ít học nhiều,
Vạn cơ dư hạ (1) chăm điều bút nghiên.
Muốn cho ai cũng đều nên
Đặt làm sách vở để khuyên dạy người.
Chỉ là nếm vị hủ tử
Lời châu tiếng ngọc trong đời ngời khen.
Rảnh thường đạo bản giải phiền,
E-dè trên nhữn sớ kiến mười phần. (2)
Gẫm nên lệnh chúa hèn-quân (3),
Gặp tuần bỉ vận (4) gian-truân khôn nài.
Thừa-hoan (5) dưới gối không ai,
Cơ sao riêng chịu thiệt-thời nổi sau?
Nhân Cao nghĩa Tống kìa (6) đản (6),
Gót lán (7) vắng trở luống sau ưu phiền.
Minh-linh (8) sớm phải chọn hiền.
Hoàng-trì (9) bị vì nuôi khuyến bù-trì.
Sinh nuôi nào có khó chi.
Tác thành đều đối rón suy ơn dày.
Lượng trên há có riêng tây (10)
Chỉ lo tông xã (11) sau này vững yên.
Vậy bèn chọn kén đản, hiền.
Song mà thơ-ấu chưa nên kế-trì. (12)
Trường-quân vốn đã có vì,
Ưng, vậy phải lữ (13) trao cùng.
Thiên di-chiến (13) tỏ lòng,
Sau răn trước (14) đủ trong mấy lời.
Hư là hệ bởi trời
Sao cho vẹn đạo người ấy vay?
Vì lựa kẻ chán tay.
Quan phụ chính để nay giúp phò.
Mọi điều trước đản-bảo cho.
Liều chẳng sợ hãi lo việc đời.

Vua Tự-đức trị vì được ba mươi sáu năm, 1848 — 1883: Kể từ vua Gia-long trở xuống, Ngài được lâu dài hơn cả. Ngài có lòng nhân-tử, có đức hiếu-kính, chẳng khác gì vua Nghiêu vua Thuấn đời xưa. Ngài có thiên tư học ít mà biết nhiều, cho nên sau khi muốn việc được thông-thải, ngài lại chăm đến việc bút nghiên. Muốn cho ai nấy cũng nên người, nay người, xưa, ngài làm sách vở để khuyên dạy người đời, Thật là đủ tài ngâm vị, mỗi lời mỗi tiếng đều là vàng ngọc, ai cũng ngợi khen. Khi rảnh việc, thường đạo chơi săn bắn để giải phỉ, mà vẫn e-dè kêng nề bậc trên (tức là hoàng-nai (4)). Gẫm ra Ngài thực là một bậc vua hiền (5) của đời, thế mà gặp tuần bỉ-vận thì cũng không làm sao cho khỏi gian-truân. Như việc nổi-nguội thì dưới gối không người thừa-nạ. Cơ sao một vị nhân-quân có lòng nhân-nghĩa như Hán-Cao như Tống-tô, mà lại vắng trở gót lán, để phải lo phiền về sau rằng: riêng chịu thiệt thời? Bấy giờ ngài phải chọn trong ba vị hoàng-dương-tử, lấy người nào hiền-đức để nối ngôi. Sinh ra mà nuôi nấng công tác-thành cũng như nhau, nên ngài đã phải nuôi-nấng khuyến-răn và bù-trì chẳng khác gì còn đẻ. Ngài sợ dĩ không tiện-vị riêng tây, là ngài cốt lo cho tông-miếu xã tắc sau này được vững-vàng yên-ổn. Tuy trong ba vị dương-tử ấy có người hiền-đức, nhưng mà tuổi còn nhỏ chưa nên nối vị, còn người lớn tuổi, tuy không dở lắm, mà cũng phải tuý nghi mà giao cho, nên trong di-chiến đã nói rõ rằng: « tuy không đủ giữ ngôi báu, nhưng trường-quân là phúc cho xã tắc, nên cho nối ngôi », thế là giữ sau răn trước đủ cả. Còn đến việc nên hay không, là bởi lòng trời, làm người cốt ở sao cho vẹn đạo, Ngài lại lựa những

bề-lời châu tay, nên phải đặt quan phủ-chức để giúp. Mọi điều ngài đã dặn bảo trước tất cả, những câu để lại không sót một ý gì.

Tự quân chưa chính ngôi trời,
Chiếu thư lại cải, quên lời sách xưa.
Văn-lương, Lớn-Thuyết chẳng ngờ
Vây chung lối ấy phiến lờ dưng lâu.
Trần-công (15) hờ hững biết đâu,
Kim-đăng (16) giữ dạ hãy cầu cho yên.
Kỳ danh chẳng chịu hợp đoàn.
Phải chung đồng (17) sát họa mang vào mình.
Thuyết Tường đem chúng tập trình :
« Xin tôn người khác, yên tình thần dân.
Gửi nay quốc-vận đang trườn (18)
Cầm quyền phải lựa trưởng-quan mới đành.
Tùy nghi em nối nghiệp anh, (19)
Đội xưa thương vậy, người lành ấy nên. »
Lại rằng : Sẵn có sẵn hiền
« Quốc-cáo Văn-lãng đáng truyền ngôi cao. »
Thánh-từ kinh-dị viết bao,
Phải chăng, nọ biết rằng sao bấy giờ.
Sự sù châu lệ tuyền mưa :
« Chẳng nghe sợ nổi đồ-thừa về sau,
Vả chẳng xã tắc làm đầu,
Miễn cho yên ổn, ai đâu mà sẵn. »
Thầy đã ung dạ, triều-thần.

1) Vạn cơ là muôn việc : vạn, phải từ muôn việc, nên có chữ « nhất nhật vạn cơ » nghĩa là « một ngày muôn việc ». « Vạn cơ dư hạ » là « sau khi muôn việc đã xong, được thong thả. »

2) Ý nói vua Tự-đức trên có đấng Thái-hậu, cần có đi sẵn bản cũng e-dễ kiếng sợ.

3) Lệnh chúa là vua hiền, hiền-quân cũng nghĩa thế.

4) Bỉ-vận là vận xấu. Gian truân là vất vả khó khăn.

5) Thừa là vâng, hoán là đổi. Cả hai chữ thừa hoán là có con thừa phụng được vai.

6) Nhân Cho nghĩa Tống là có lòng nhân như vua Cao tổ nhà Hán, có nghĩa như vua Thái tổ nhà Tống.

7) Gai. Lân. Lân là loài thú. Lân chỉ có ở trong rừng và ở con hổ, hổ là con vật dữ nhất.

8) Minh là sáng, là con vật. Nguyên có đến là con vật con ngựa cho một người đi ngựa, chỉ mình làm con nuôi.

9) Hoàng trư là con vua.

10) Cầm nay nói vua Tự-đức không con, nuôi ba người cháu làm con nuôi : Ung Chân, tức Dục đức, lớn tuổi hơn, còn hai ông kia (tức Ung Kỳ sau là vua Đồng Khánh, Ung Đăng sau là vua Kiến Phúc) hãy còn ít tuổi. Khi vua Tự-đức băng, có di chiếu cho Ung Chân nối ngôi, và sai Trần tiến Thánh, Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết phụ chính. Trong di chiếu có câu rằng : « Dục đức có công lớn với triều đình, bất kể đi chủ thần khi, đến quốc sự đa oan, hãy trưởng quân nãi xã tắc chi phúc, cố sự tư vị » nghĩa là « Dục đức có công lớn không nên quên, không đáng chủ đồ thần khi ; nhưng việc nước nhiều sự gian nguy, có trưởng quân là phúc cho xã tắc, cho nên sai nối ngôi »

11) Tông là tông miếu (thờ tổ tiên nhà vua) xã là xã tắc, quốc gia, lúc đất nước.

12) Từ câu « Lượng trên há có riêng tay » đến câu « Song mà thơ ấu chưa nên kẻ trị », bản nôm của Bạc cổ phê câu « Họa xuất Anh hoàng nhĩ, phiên khở tâm » nghĩa là « vẽ ra một tâm khở tâm của vua Tự-đức ». Tên thụy vua Tự-đức là « Anh » nên gọi là « Anh hoàng ».

13) Di chiếu là tờ chiếu của vua để lại khi sắp băng.

14) « Giữ sau răn (rước) » là nói Dục đức không có hiền đức, nhưng vì lớn tuổi, phải cho nối ngôi.

15) Trần công là Trần tiến Thánh, nhận tờ di-chiến cùng với Tường, Thuyết, để phụ chính tự-quân. Họan này bản nôm của Bạc cổ có phê câu : « Trung thành nhất niệm, bất phụ kỳ danh », nghĩa là một niệm trung thành, không phụ tên mình là Thánh.

16) Kim đăng là tên một hiện sách của đời Chu, nguyên khi Vũ vương bị bệnh, Chu công (là em ruột) cầu khẩn với tam vương xin chết thay, sẽ thần đem bài khẩn ấy để trong hòm Kim đăng. Về sau Chu công bị Quân thúc và Thái thúc (là hai em Vũ công), gièm pha, Chu công bị thiên ở Đôn đồ. Đến khi Thành vương con Vũ vương mới 7 công, bằng chủ rước mở hòm thắp hương cầu, công của Chu công là khó nhọc, cần thơ khốc, rước Chu công về kinh đô. Sở dĩ gọi là Kim đăng là cái hòm ấy dùng khóa vàng. Chữ Kim đăng ở đây là nói đạo đức hiền.

17) Đồng sát bị giết oan.

18) Quốc vận đang trườn là vận nước đang nguy hiểm.

19) Bm nối nghiệp anh là nói vua Hiệp hòa là em vua Tự-đức.

Thùg-liêm (20) vạy phải-trạo phản tiếng
vàng :

« Việc ngoài đều cậy các quan,
Làm sao cho đặng vững an nước nhà.
Ta nay vả dự đàn bà,
Lại thêm lú lẫn, tuổi già tác cao.
Rất e những rối Tây Tàu,
Trong mà chẳng g định, ngoài đã quét loạn. »
Các quan vạy lĩnh lời vàng,
Xin phê « y tấu » truyền ban tức thì.
Tổn nhượng (22) người trước có suy,
Những lời đã định dịch từ (23) đặng vạy !
Có quan ngự-sử tới ngay (24),
Phan đình Phùng già thấy nay bất bình.
Trước triều ra mới nói trình :
« Tự-quân có rái lời lành chưa can,
Bèn da lỗi ấy sao an ?
Nghìn thu đề tằng luận bàn về sau.
Mìn chẳng sợ chế cù đầu,
Phát-minh lý thả g nỏ hầu cùng nghe.
Thấy lời ai nấy sẵn ghê ! (25)
Sốt gan Tường Thuyết truyền đề chèn ngay,
Dẫn ra ngục thất giam vầy
Oai nhượng sớm sệt ai ray dám phản,
Vàng theo bại yết tâu-quan
Tróng xem chính lệnh xử phản thế nào ?
Đem ông trừ-nhi truyền giao,
Giảng-đường tạm ở ra vào giữ canh.
Ơ ai đều đặng hiền vịnh.
Huống nhờ sang cả phải tình mai nay. . .

Neung tự-quân là Đức-dực-công chưa chính
gọi trời, tức là chưa làm lễ tấn tôn, chưa ban
lân-hệu mới. Trong khi các quan tuyên đọc
Viễn-thư đề sắp tôn lên ngôi báu, thì có đến một
người ở trong đạo sách pàong của vua Tự-dức (tức
Đức-dực-công tổ vô hiên đức. . . , nhưng
vua Tự-dức đề lại thì phải mà các quan
vay thì không tiện, nên mở ải đi). Không ngờ
m-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết không nghe,
lỗi tuyên-đọc sai làm phản tâu lên thái-bậu.
Trần-tiến Thành thì hồ-túng không biết, cứ
đặt lòng trung-thành theo trong Kim-đăng (là
Đức-dực) cho yên nước đã; nên khi hai người
p đoàn đề phê Đức-dực, thì Trần tiến-thành

không ký, sau bị chết nung mạng. Tôn-thất-Thuyết
và Nguyễn-văn-Tường tâu với thái-bậu rằng : « xin
tôn người khác để yên lòng thần-dân, nay trong
nước đương lúc nguy-biến, phải chọn vị trưởng-
quân cầm quyền mới xong : tủy cổ ứng biến, em
nổi nghiệp anh, đời xưa là thường, miễn là được
người có hiền-đức đề cho trong nước được yên.
Sẵn có Văn-lãng quốc-công là một bậc hiền-quân
đáng nối ngôi báu ». Thánh-tử (tức thái-bậu) nghe
tâu, kính hãi xiết bao ! Nhưng phải chịu vậy, nào
bối làm sao bây giờ ? Ngai vừa khóc vừa nghĩ
rằng : « Nếu không nghe, thì e về sau hai ông ấy
lại đổ thừa là tại mình. Vả chẳng cốt lấy việc xă-
tắc làm gốc, miễn cho trong nước được yên, chứ
ai làm vua thì cũng trong một thống-hệ, có ra đến
ngoài đâu mà lại ». Tất cả các quan triều-đình đều
bằng lòng. Ngai phải thầy-lâm thỉnh chánh đề ban
lời vàng ngọc ra thần dân : « Việc ở ngoài thì đều
cậy các quan, làm sao cho nước nhà được vững bền
yên ổn là hơn. Còn như ta này là p ận đàn-bà, lại
tuổi tác già cả, thêm lú-lẫn. Ta rất sợ những rối
Tây Tàu, nếu bên trong mà không êm ấm, thì dẹp
làm sao được loạn ở ngoài ? » Các quan đều vâng
lĩnh ý-chỉ của Thánh-tử, xin ngai phê chữ « y tấu »
để lập tức ban-bổ thần-dân. Việc nhượng-ngôi thì
người xưa cũng đã có, huống chi những lời bàn
của diêu-thần đồ định, thái-bậu đã phê, thì đời làm
sao được nữa ? Thế mà có quan ngự-sử là Phan-
đình-Phùng von bề-tới trung-trực, nay thấy việc bất-
bình, ra trước sân enầu nói rằng : « Dù Tự-quân có
lỗi, nhưng chưa ai lấy lời hay lẽ phải để khuyên
(Xem tiếp trang 20)

20) Thùg liêm là buống rêm : đàn bà dự việc
nước gọi là thùg liêm.

21) Đoạn « Rất e những rối Tây Tàu... » bản
nôm của Bạc cổ phê 4 chữ « Từ mẫu chỉ ngôn »
nghĩa là « Lời nói chỉ tình của Từ mẫu ».

22) Tổn nhượng là nhún nhượng, tức ông vua
tự nhún mình xuống ngồi thấp kém để nhường
người khác.

23) Dịch từ là đổi lời.

24) Trên của « có quan ngự sử tới ngay... » bản
nôm của Bạc cổ phê bốn chữ « chính khí lâm
nhiên », nghĩa là chính khí lâm liệt trạng nghiêm.

25) Sang ghê là tằng trạng kỳ, têu là sợ hãi.

HOÀNG VĂN TÙNG

(Tiếp theo trang 6)

chưa, nhưng vài hôm nữa thì anh em trong ngục được tin ông đã sắp mất, viên chủ-tịch hội đồng Đề-hành che phép ba Tùng được đưa ông về quê để liệu lý việc tang. Nghe tin ấy, anh em trong ngục đều cô nản xin với tên Địch chủ-tịch hội-dồng, cho được cử hai đại biểu theo xe đưa ông về Thanh để tiễn chân bạc đến năm mốt thiên cổ. Bấy giờ đảng mới ở trong tình trạng dự bị, chưa làm việc gì để cho người Pháp thả oán làm cơ việc ám sát Ba-Gianh nhưng chúng lại chưa xét biết là việc của đảng làm, vì thế bộ-dồng Đề-hành đối với các đảng viên, cũng còn có đối điều dễ dãi. Cao nên việc này xin này mới được lập ứng thuận. Anh em bên cử Lai Hưu là Lê Văn-Phúc Phó Đức-Chính xin giấy tạm xuất ngục đưa theo ông Tùng về quê. Ông đưa về đến Ninh-bình thì ông tá ở. Hôm ấy là ngày 26 tháng 6 năm 1929 tức là ngày 20 tháng 5 năm Kỷ-tỵ.

Thế nghĩa là ông Tùng mất về năm Kỷ-tỵ 1929 trong khi cử việc giết Ba-Gianh, đảng chưa làm một việc bạo-dũng nào cả, chứ không phải là mất về năm Canh-ngọ 1930, sau khi đã xảy việc cách-mệnh Yên-báy rồi, mà ông không từng hợp tác với ông Kỳ Con Đoàn Trần-Nghiep trong ban Ám-sát bao-giờ. Đạo ấy, Nguyễn Chủ-tịch (Thái-Học) vẫn đương hoạt động việc đảng ở ngoài chứ chưa hề bị bắt vào ngục, nên ông không hề dự gì vào việc phái hai đồng chí vào Thanh đưa đám ông Tùng như các báo đã nói. Nên biết rằng sau việc Yên-báy, các đảng viên V. N. Q. D. Đ đều là hững hờ tử thù của bọn thực-dân Pháp, không thể nào còn có sự chứng thả ông Phó Đức-Chính một yếu nhân ngang với ông Nguyễn Thái-Học được tạm ra khỏi ngục để vào Thanh đưa đám ông Tùng. Và lại cái ngày 13 vị Liệt-sĩ lìa đoạn-dầu-dài ở Yên-báy trong số có ông Phó Đức-Chính, là ngày 21 tháng 5 năm Canh-ngọ (17 6 30) làm sao lại còn có sự trước đó một ngày là 20 tháng 5, ông Cảnh được ra khỏi ngục để vào Thanh đưa đám một người cách-mệnh đồng-chí?

Vì tôi có biết rõ việc này, vậy xin viết mấy lời đây để giữ cho được đúng thực những tài liệu của cuốn sử cách-mệnh.

Còn nhớ bấy giờ ông Phạm Tuấn-Tài một sáng lập-viên của đảng, cũng bị giam ở trong ngục, có làm đôi câu đối sau này để khóc ông Tùng.

Nước mất đàn lan, nát ruột nát gan không nói nữa,
Sân lìm cửa sắt, xa nhà xa bạn biết đi đâu?

TRÚC KHÉ

Cụ Sào-nam Phan Bội-Châu

(Tiếp theo trang 5)

Gió dập mưa dồn, đánh vào nạng chống trời khôn nổi, mấy lúc đông tây bốn lầu việc lộn vòng trước mặt đã lều; bề sâu sông cả, phải cuốn buồm theo gió mới êm, có lợi-hại sau này như thấy.

Chim lồng đang cất cánh bay cao; ngựa kỵ bỗng sa chân vào bầy.

Công cơ chẳng có, tội danh phải có, giữ chặt gao vàng dạ sắt, nặng cương-thường như nải Thái nhân trùng; sống như không, ti ác cũng như không, quân bao sấm sét hóa riu, nhẹ tình-mệnh như lông bông một mảy.

Được tin về nước, trăm miệng xôn xao; nghe nơi vào lao, một lòng nóng-nảy.

Sự bất-sát chẳng qua vì công lý, nào phải xây lưng sắp mặt, phận hàng thần lơ lảo ra chi; kiếp nho-sinh trở lại với đồng bào, danh cam nhắm mắt đưa chân, cơ Tạo hóa xây vùn thế ấy.

Gian lâu cổ tựa kê bên đỉnh Ngự, trắng tàn, gó lạnh, bước cùng-dờ thời hết nói von thua; chiếc thuyền con lơ-lững giữa dòng Hương, rượu chước thơ ngâm, ngoài thế cuộc mặt-dầu ai phải quấy.

Cũng có lúc đau lòng mà khóc, khóc Tây hồ, khóc lập-xuyên, khóc hết người này người nọ, khóc bao-nhiều ruột lẻo bầy nhiều; cũng có khi hé miệng ra cười, cười qua chuyện ngái (4) chuyện gần, cười chừng nào lệ rơi chừng ấy.

Mười lăm năm lưu-quạnh, một xe trời đưa bánh quan-ho; bảy mươi tuổi héo mòi, ba thước đất lấp đời vầng vẩy.

Chết đã thiệt, sống hết làm sao được nghĩ tới tiền-trình dang-dặt; bốn nghĩa năm Tò-quốc, lẽ nào tang hải biến-lời; trước đã qua sao phải tính thế nào, nhớ lời dục-ranh rành, hai mươi triệu đồng-bào đừng để phong-trào xô-dẩy.

HOÀI-NAM (1940)

(4) Xa.

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 4)

chùa thờ Phật. Lại tri-biền kho chuộc những người con gái nghèo đã cầm cho người ta, đem gả cho những người góa vợ » (Khâm-định Việt-sử, q. 4, tờ 6 b 7 a). Đại-Việt sử-ký toàn-thư (q. 3, tờ 16 b), chép rằng : « Tục truyền thái-hậu sở dĩ dựng hơn trăm ngôi chùa thờ Phật, là sám hối về tội bắt Thuong - dương ti - hậu và 76 u - nữ tuấn táng », tức là chôn theo khi vua Thánh-tông mất.

« Tháng sáu năm bình thân 1116, tạng đồ là Từ đạo Hạnh giải thi (cởi xác ở trong cửa Thạch thất (nay Phật tích Bắc ninh). Nguyên khi Sùng hiên hậu chưa có con, một hôm tự tăng ở Thạch thất là Từ đạo Hạnh đến nhà Sùng hiên hầu nói chuyện việc cầu cúng, tự tăng xin cầu với sơn thần bộ, được con trai, và dặn rằng : « Khi nào phu nhân lâm sản, phải báo cho tôi biết trước ». Sau ba năm phu nhân họ Đỗ quả nhiên hoá thai, đến ngày đến tháng thì ra oan sản, Sùng hiên bấu nhân nỡ đến lễ sư dân, sai người đến báo Từ đạo Hạnh, Đạo Hạnh giả cách đi lấy phù lục, thay áo, tẩm thân vào trong hang đá, cởi xác lại, rồi mất : Phu nhân liền sinh con trai, tức là Dương Hoán, sau là Lý thần tông, tương truyền là Từ đạo Hạnh thác sinh. Người làng lấy làm lạ, đem xác để ở trong khám để thờ, hiện nay chùa Phật

tích bấy còn chỗ ấy. Cứ mỗi năm đến ngày bảy tháng ba con trai con gái đến chùa lễ bái rất đông, thật là thắng hội của một phương. Đời sau lại ngoa truyền (truyền lung sai) là ngày giỗ sư. Cái xác Đạo Hạnh đến đời Vĩnh lạc nhà Minh, là lần Bắc thuộc thứ sáu (1414-1417) bị người Minh đốt. Người làng lại tô tượng như cũ để thờ, hiện nay lấy còn » (Đ.v.s.k. toàn thư, q. 3, tờ 16 b 17 a và Đ.v.s.k. cải lương, sổ sách 1146, q. 2, tờ 30 b).

« Tháng ba ta năm 1117 vua ngự Chương sơn, khánh thành tháp Vạn phúc Thành thiện (Đ.v.s.k. toàn thư, q. 3, tờ 17 b).

« Năm Mậu tuất 1118, sứ Chân Lạp tới triều kiến, đặt xuân đến yến lễ và gặp khánh thành tháp Thất bảo mở hội, vua ban chiếu các quan chính bị nghị « rượng ở điện Linh quang, để dẫn sứ đến xem » (Đ.v.s.k. toàn thư q. 3, tờ 18 b). Đến tháng bảy sự Chiêm thành lại cố. Sang tháng chín vừa gặp khánh thành chùa Thăng nghiêm thành thọ, sai mở hội thiện phát c o - sứ Chiêm thành xem » (Đ.v.s.k. toàn thư q. 3, tờ 19 a).

Lý nhân tông là người hay ưa những điềm lạ, cho là lành hay dữ, nên ác quan tả hữu cũng a dua. Như « mùa xuân năm giáp dần 1074 có chim sẻ trắng làm tổ ở sân cấm » (K.đ.v.s., q. 3, tờ 33a), « mùa xuân năm bình dân (1086) Nguyễn Viễn dâng con rùa sáu chân,

trên lưng rùa có chữ (?) Về sau nhiều người đem rùa la đến dâng (K.đ.v.s., q. 3, tờ 45 a). « Mùa xuân năm canh dần (1110) có người dân bà dâng con phượng non đủ năm sắc chín lông đuôi. Từ văn thông dâng một con hổ trắng, một con ngựa trắng, sinh cựa (như cựa gà) và một gấu lùn lang (cau) mười một giống » (Đ.v.s.k. toàn thư, q. 3, tờ 15 b). Sang « mùa xuân năm sau (1111) phủ Thanh hóa dâng một gấu cau chín giống » (Đ.v.s.k. toàn thư, q. 3, tờ 15 b). « Tháng năm năm 1117, viên ngoại lang là Ngô Thiệu dâng một giống lúa chiêm chín đồng-phụ mã lang là Dương cảnh Thông dâng buồm rằng. Thủ lĩnh châu tư nông là Hà Vĩnh Lộc dâng con ngựa đỏ sừng cựa » (Đ.v.s.k. toàn thư, q. 3, tờ 17 b). Thần dân trong nước dâng về nhiều lắm, không thể chép hết.

Còn những điềm về trời, đất, thì sử chép như sau này :

« Năm quý sửu 1073 mưa dầm (không rõ tháng), vua sai kỳ dinh (cầu tạnh) ở chùa Pháp vân và thần núi Tản viên » (K.đ.v.s., q. 3, tờ 31 b). « Mồng một tháng tám năm ất mao (1075) có nhật thực » (Đ.v.s.k. toàn thư, q. 3, tờ 9 a). « Năm kỷ mùi 1079 mưa đá. Được mùa » (K.đ.v.s., q. 3, tờ 42 a). « Năm quý hợi 1084 có rồng vàng (?) bay ở điện Từ nhân và điện Hội long » (Đ.v.s.k. toàn

thur, q. 3, tờ 14 a). « Tháng sáu năm ất hợi 1095 đại hạn, vua xuống chiếu tha tù và giảm các thứ thuế » (Đ. v. s. k. toàn thư, q. 3, tờ 12 b). « Tháng tám năm 1097, có sao mọc ban ngày (?) Năm 1098 động đất và sao chổi, năm 1099 thần long (?) xuống cây mai » (Đ. v. s. k. toàn thư, q. 3, tờ 13 b). « Ngày lập xuân trong tháng giêng năm năm ngọ 1102 có tuyết xuống » (Đ. v. s. k. toàn thư, q. 3, tờ 13 b). « Tháng giêng năm bính tuất 1106 sao chổi mọc ở phương tây dài suốt tăng giờ » (Đ. v. s. k. toàn thư, q. 3, tờ 15 a), cùng năm ấy có « sao thái bạch mọc ban ngày, vua ban chiếu tha những người nghẽn đường » Đến « mùa hạ năm sau (1107) động đất ». « Mùa hạ năm 1108 không mưa » (Đ. v. s. k., toàn thư, q. 3, tờ 15 b). « Mùa thu năm tân mão 1111 mặt trời mờ hai tán ». Đến « mùa xuân năm 1112, có móc ngọt (cam lộ); (Toàn thư, q. 3, tờ 16 a). « Mùa xuân năm giáp-ngọ 1114 có tuyết xuống » (Toàn thư, q. 3, tờ 16 b). « Tháng ba năm đinh-dậu 1117 rồng vàng (?) hiện ở Bảo-tháp Vạn-phong Thành thiên » (Toàn thư, q. 3, tờ 17 b). « Tháng sáu năm ấy Vua ngự hành - cung Ưng-phong (nay phủ Nghĩa-hung) thăm cày, không mưa, làm lễ đảo vũ ở hành cung. Có rồng vàng (?) hiện ở Đông-linh bảo đài (Toàn thư, q. 3, tờ 18 a). « Tháng mười năm ấy (1117) Vua ngự hành-cung Khải-thụy

để xem gặt, đêm ấy mặt giăng hai tán, Vua cho tìm những cỗ các lợn tốt đem vào trong cung nuôi xuống chiếu rằng : « Trẫm coi triệu dân, lâu không con nổi, thần-khí của thiên-hạ, thì trẫm nên cho a ? Vén nuôi con các lợn tốt nhất là Sùng-hiền hầu, Thành-khánh hầu, Thành-quảng hầu, Thành-côi hầu, Thành-quảng hầu, chọn người nào khá (thiện) thì lập ». Bấy giờ con Sùng-hiền hầu là Dương-Hoàn mới hai tuổi, mà thông minh mẫu mực Vua rất yêu mến lập làm hoàng-thái-tử » (Toàn thư q. 3, tờ 18 a-b).

« Tháng năm năm mậu-thất (1118) đại hạn, lễ kỷ đảo được mưa ». « Năm ấy có móc ngọt (cam lộ) xuống Vua ngự bút tám chữ Thiên hạ thái bình, thánh cung vạn tuế vào bia, rồi sai thợ khắc » (Toàn thư, q. 3, tờ 19 a). Đại-Nam quốc-sử diễn ca (tờ 28 b) chưa rằng : « Nay các đình ở dân-gian phần nhiều khắc bốn chữ Thánh cung vạn tuế làm hoành biễn thiếp vàng, là bắt chước từ đây. « Tháng năm năm bính ngọ 1126 đại hội nhân-vương ở Long-trì, ngày hôm ấy có rồng vàng (?) hiện ở điện Vĩnh-quang ». (Toàn thư q. 3, tờ 24 a). Đến « tháng tư năm sau (1127) mưa ra thóc » (Toàn thư, q. 3, tờ 25 a). Còn nhiều diêm thường thường sử chữ nho cũng chép, nhưng tưởng mấy chuyện trên kia cũng đủ rõ trình-độ dân-trí thời bấy giờ.

Đến việc giao tiếp với Tàu và các nước phía tây, nam, trừ việc Lý-Thường Kiệt đánh hãm ba châu của Tàu và lấy lại ba châu của Chiêm-thành, sử còn chép những việc sau này : « Năm quý sửu 1073 nhà Tống sai sứ sang sách phong làm tiao - chỉ quận - vương » (Khâm-định V s q. 3, tờ 31 b). « Tháng ba năm d壬 mão 1087 vua Trết-ông nhà Tống mới nối ngôi, sai sứ sang gia-phong cho vua Lý Nhân-tông làm Nam-ba-vương » (Khâm-định, q. 3, tờ 45 b).

Nguyên năm ất-tý 1125 nhà Tống giao gả Mạc-Hiền vua Lý cảm ơn. Đến « tháng mười một nhuận năm bính-ngọ 1126 Vua Lý sai lệnh-thư-gia là Nghiêm Thường và ngự-khố thư-gia là Từ-Diên đem tuấn-tượng tể tể và vàng bạc sang sứ h nhà Tống để cảm ơn về việc bắt Mạc-Hiền Bọn Nghê-m-lương đi đến Quế-châu (nay phủ Quế-lâm) thì được kinh lược-tý của nhà Tống ở Quế-châu bảo rằng : « Năm nay Đông-kinh và bọn Đinh-Phong ở Hồ-nam đều phát binh mã để đánh người Kim hiện nay đường xá ngựa trạm và phu trạm rất ít, Xin sứ giả nhận lấy những lễ vật ». Bọn Thường bèn về, Năm ấy người Kim vây Biện-kinh nhà Tống bắt vua Tống là Huy-tông khâm-tông, nước Tàu bị loạn » (Khâm-định Việt-sử, q. 4, tờ 16 a và Đại-Việt sử-ký toàn-thư q. 3, tờ 24 b).

(Xem tiếp trang 28)

MỘT ÁN « THÔNG PHỈ »

Kính Tiên-linh Đường bá pháp
Tương Nguyên tiên-sinh

34 2.

TIÊN-ĐÀM

K ông bết nói sao, ông cử Đoài lạ tay mặt các kén cang kình thì a:

— Bầm ta quan việc này thế là có kẻ bủ oán, ghen - ghét với anh em cùng tôi... quan lớn luôn đây đã rồi... những sự xuất, nhập, khởi, cư của chúng tôi... thật chúng tôi không bao giờ có gan làm việc ấy, đành như vậy!

Quan huyện ngồ-lặng thính, suy nghĩ ông Bát gật ngay:

— Ông hay không đi không biết! có đều cả... ông muốn kêu... lên tỉnh kêu với cụ Lớn... việc quan có kỳ-lạ... mai sớm tôi phải về, tuy ác ông liệu lấy... Thế nào quan huyện gầy sao?

Quan huyện nghe cái giọng sách nhều của tay lại-giã ấy, trong bụng ghét lắm nhưng ở vào tình thế khó xử ông liền nói:

— Thôi, có phải quan Bát đã lạm lợi từ tỉnh về... mà việc lại có quan hệ đến các ông... trách nhiệm về tôi... thôi... các ông liệu... nói với quan Bát đừng... kêu xin với cụ Lớn cho...

Như biểu ý quan huyện, ông cử Đoài sẽ bàn nhỏ với 5 ông kia, rồi đứng lên nói:

— Vâng, quan lớn huyện đã giấy, lại nhân có cụ Bát về, xin khất hai quan, chiều nay, anh em chúng tôi xin vào hầu...

Buổi hầu chầu, quan huyện lại ra công đường ngồi tiếp chuyện ông Bát, lĩnh lên bầm có ông cử Đoài xin hầu, quan cho vào.

Vừa vào đến nơi, quan huyện vội hỏi ngay:

— Thế nào! ngài cử đã tính toán xong việc ấy chưa?

— Dạ, bầm hai quan, nhớ nhờ cũng thanh bạch, anh em chúng tôi, bàn tính mãi, mới xếp được rõ « tam bách » và « ngũ thập » đề kinh riêng cụ Bát, gọi là:

Ông Bát vỗ giơ tay sua sua nói:

— Cốt là Cụ Lớn lượng thứ cho các ông, chứ tôi thì không hề gì...

Ông Cử Đoài cung-kính hai tay đặt gói bạc lên bàn. Quan huyện khó chịu quay vào trong gọi lính chuyên thêm trà, trong khi ông Bát, nắm cái gói bạc.

— Được! Ông Cử cứ lại nhà và nói với các bạn, tôi xin hết sức...

— Cảm ơn Cụ, chúng tôi xin trông nhờ cụ cho đỡ cho...

— Các ông cứ yên lòng, tôi thu xếp được... mai sớm tôi về ngay.

Sáng hôm ấy, vừa rút một hồi ba tiếng trống, quan Tiểu

phủ từ nhà trong ung dung ra công đường; dưới vành khăn nhiễu tam giang né mặt hầy còn mặt nhọc, chừng như đêm qua, tẩu trừ « Tống Hoảng » đã làm cho ngài ít ngủ. Vội ngồi vào sập kê dĩa công đường.

Tên hầu tra vừa chuyên một tuần trà, nhẹ-nhẹ rón-rén, cúi đầu đi qua trước mặt ngài ra men rồi, độ chừng một phút lại rón-rén vào, gãi tai, hăm:

— Bầm Cụ Lớn, thấy bát xuống T. L. mời về, xin vào hầu Cụ Lớn.

— Gọi thầy ấy vào trong này!

— Dạ!

Ông Bát sửa lại khăn áo, bước lên thêm, chụ, giầy, vào công đường, khom lưng, chấp tay vái chào

— Lại Cụ Lớn!

— Ủ thầy đã về thế nào huyện T. L. cho dò cho ta mấy tên ấy không?

Ông Bát gãi tai bầm

— Bầm Cụ Lớn, anh huyện con có cho trát đòi cả sáu tên lên... con xem ra họ đều là Cử, tử, vầu... trong huyện...

Hơi quắc mắt, quan Tiểu phủ, đưa cái ống thước bạc trên sập, gất ngay :

— Thì văn thân mới hay cò di ý ! thầy không thấy đấy à, Nghệ, Tĩnh cũng toàn bọn văn thân cả... chà... cái anh huyện T. L. !...

Sợ hãi, ông bát hơi run run tiếp :

— Bẩm. bẩm. Cụ Lớn ! anh huyện con có gọi họ lên.. có truyền bảo lệnh cụ Lớn.. họ dèn sợ hãi và có nhờ con về kêu xin Cụ Lớn.. hiện họ có sắp một số ngân « tam bách ».

— Có thể thôi à ! còn thầy, chúng nó tiền bao nhiêu ?

— Dạ bẩm « ngũ thập »

Rồi, ông bát sẽ móc túi để một cái gói trên sập

Hai con mắt vọ của quan Tiểu phủ sẽ liếc xuống gói giấy, như không nghĩ gì, ngài truyền luôn :

— Thôi, anh đưa cả cớ của anh ta dùng... còn anh để lần khác... Hừ. cái anh T. L. làm việc quan như thế thì... bắt cấp.. bắt cấp...

Ông bát lại đưa ra một gói nhỏ, vái chào, lui ra.

Vụ thuế tháng năm, hạt T. L. nhận giấy sức của quan huyện được ba hôm, các lý trưởng đều đã lên nhà « trình Krem » phần việc kiểm đủ, quá sai thảo tờ « trình » lên tỉnh và định đến bữa 24 sẽ cùng quan trợ biện giải thuế nộp.

Năm ấy, tuy mùa màng không được tốt, nhưng dân hạt T. L. thấy quan sức là lo nộp đủ ngay nên bữa 24, chưa phủ huyện nào « đồ » thuế mà hạt T. L. đã thấy quan nha hương lý lên tỉnh.

Quan huyện dẫn nha lệ, lý dịch, chờ ngoài hàng rồi một mình vào dinh quan Tiểu phủ kiêm Tuần phủ tỉnh gầy má, bái bô, rồi ông bát xin « cớ » cụ Lớn phê đề bo nộp kho bạc.

Cả buổi sáng chờ đợi, mai sẽ chiều, quan nha lý dịch hạt T. L. mới được các chức vớ sở kho bạc « kiểm tra », lĩnh phái lai xong, thầy trò thu xếp ra về.

Quan huyện T. L. lại sống cái đời của nhà nho, sau những phút bận rộn về công vụ.

Hôm ấy, đang ngồi làm việc ở công đường, thầy thông mang giấy lên hầu « chữ » có đưa trình quan một bì công văn ở tỉnh. Bóc bì, quan huyện xem qua một lượt, rường như chưa hiểu, lại lầm lũi đọc một lượt nữa... sẽ tuờng à, lấy chiếc quạt hờ chặn tờ giấy bản rồi bảo thầy thông :

— Thôi, thầy để giấy mà tôi xem.

Công văn gì mà quan thổ giải ? thì đây, là nguyên văn :

« Hưng yêu tỉnh, Tiểu phủ sự kiêm lĩnh Tuần phủ Lê... sức cho cai viên tri huyện T. L. là Nguyễn mộ tuần cai » :

« Vụ thuế tháng năm vừa rồi, hạt T. L. .. làm rồi rá, cần

GIỚI THIỆU

Tại Tác của nhận được.

— KINH THI VIỆT NAM của Trương Tửu Hàn Thuyên xuất bản giá 9\$50

— TRUNG NỮ VƯƠNG của Sĩ Tiên Hương Sơn xuất bản giá 3\$00.

— TAN ĐÀ VẠN VẤN (I) của Ng khắc Hiền. H. S. xuất bản giá 9\$50

— ĐAO CHIM ƯNG của Hoàng Thù Hai Hạng xuất bản giá 0\$60

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu với các bạn.

T. T

thả, nên sau khi trình nộp bên toà kho bạc, Quí Công sử đại thần có gầy tư sang Bản đươg biết là trong sổ bạc thuế có hai tờ gầy giả, rất tinh vi, dù cũ rách... việc nhầm nhỡ là trách nhiệm quan địa phương vậy nay nghĩ giảng viên tri huyện Nguyễn mộ xuống huấn đạo và cải nhậm sang hạt khác Nay sức. (Anh Thá năm.. tháng.. ngày...

Mười hôm sau, quan huyện giong đồ đạc, rồi khởi hành. Cả hạt T. L. đều ngao ngán, ngán ngợ, miễn tiếc.

Lúc quan huyện (nay là quan Huấn) lên ngựa ra khỏi công nha, gầy trẻ nít ở bên đều đứng hai bên ở sẵn để tiễn. Có người như quá cảm động lấy vạt áo lau nước mắt quan cũng ngẹn ngào đáp lễ.

Trong đám đông, có kẻ tỏ mò hăm « ực làm bầm

— Chỉ tại cái thằng Bát gì ở tỉnh về hạ h sát h quan a « không cung đủ... nên bị giảng thật là oan cho Ngài !

TIÊN-ĐÀM thuật

